

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ PHÂN TÍCH ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

NGÔ THÚY QUỲNH*

TÓM TẮT

Việc phân tích và đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam còn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ. Từ kết quả nghiên cứu về đô thị hóa được trình bày trong bài viết này, hi vọng có thể đem đến những hiểu biết đúng đắn hơn về đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay (quan niệm, chỉ tiêu đánh giá...); từ đó, xây dựng được chiến lược, quy hoạch và kế hoạch đầu tư phát triển đô thị một cách khoa học.

Từ khóa: đô thị hóa, chỉ tiêu đánh giá, Việt Nam.

ABSTRACT

Some opinions about analysing urbanization in Vietnam

The analysis and assessment of urbanization in Vietnam have not been studied systematically and extensively. Results of the study of urbanization presented in the article are hoped to bring out more appropriate understandings of urbanization in Vietnam nowadays (opinion, assessment criteria, etc.); in light of which, strategies, planning and investment plan for urban development will be constructed more scientifically.

Keywords: urbanization, assessment criteria, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Đề nhận biết đúng đắn về tình trạng đô thị hóa trong những năm vừa qua và đề xuất phương án phát triển đô thị hóa cho Việt Nam, nhất thiết phải tiến hành phân tích đô thị hóa bằng hệ thống chỉ tiêu định lượng. Bên cạnh đó, để việc phân tích đô thị hóa trên quan điểm chất lượng, bền vững phải dựa trên những phân tích và đánh giá định lượng đô thị hóa. Muốn đánh giá định lượng về đô thị hóa theo quan điểm chất lượng phải có hệ thống chỉ tiêu định lượng. Vậy hệ thống chỉ tiêu đó là gì và tính toán ra sao? Ứng dụng nó để phân tích đánh giá đô thị hóa như thế nào? Nghiên cứu này mong muốn góp phần làm rõ những vấn đề đó.

Mục đích của nghiên cứu này là đề xuất quan niệm thiết thực, phù hợp hơn về đô thị hóa ở Việt Nam và kiến nghị

các chỉ tiêu phản ánh cả về mặt số lượng lẫn mặt chất lượng của đô thị hóa để việc đánh giá đô thị hóa đạt được ý nghĩa thực tiễn và có hiệu quả cao hơn.

2. Tình hình nghiên cứu đô thị hóa và đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam

2.1. Nhận thức về đô thị hóa

Khi nghiên cứu về tác động của FDI tới đô thị Đà Nẵng, Nguyễn Thị Thoa [4] cho biết có nhiều học giả nghiên cứu vấn đề này. Nhìn chung, các học giả thống nhất rằng đô thị hóa và phát triển đô thị là bước đi tất yếu của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế. Trên thế giới và trong nước đã có một số nghiên cứu về vấn đề này ở những góc độ như: quan hệ của đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế; các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo yêu cầu cần thiết cho các đô thị tồn tại, phát triển, quy hoạch đô thị

* TS, Học viện Hành chính Quốc gia; Email: ngothuyquynhpad@gmail.com

và phát triển bền vững đô thị. Theo Nguyễn Thị Thoa, nhà kinh tế học A.M.Rumencaisop cho rằng: “*Đô thị hóa là quá trình kinh tế thủ tiêu sự đối lập lịch sử - sự cách biệt giữa thành phố, nông thôn và dẫn đến những hình thức cư trú tiếp cận kinh tế thống nhất*”. Trong khi đó I. L. Piaoalop cho rằng: “*Đô thị hóa là quá trình chức năng phi nông nghiệp tập trung hóa, đầu tư chiều sâu và đa dạng hóa, là sự phổ cập của phương thức sản xuất và hình thức cư trú đô thị phát triển, là sự phát triển giao lưu của loại người và hình thức văn hóa đô thị*”.

Trong luận án tiến sĩ của mình, Phạm Ngọc Trụ [6] cho biết học giả Nhiều Hội Lâm (trong công trình nghiên cứu *Kinh tế học đô thị* do Nhà xuất bản Đại học Kinh Tài Đông Bắc – Trung Quốc ấn hành năm 1999) đã đưa ra những phân tích khá toàn diện về kinh tế học đô thị, cơ chế phát triển đô thị, cơ cấu kinh tế đô thị, sự hình thành và quá trình phát triển của đô thị cũng như các vấn đề xung quanh đô thị, như: môi trường đô thị, hiệu ích kinh tế đô thị, quản lý kinh tế đô thị, sự hình thành và phát triển các khu đô thị, xây dựng khu vực kinh tế đô thị và vấn đề quản lý đô thị. Học giả này nhận định rằng cùng với sự phát triển cao của công nghiệp hóa và dịch vụ từng bước chuyển thành ngành sản xuất chủ yếu và quan trọng của đô thị. Các nước phát triển đã đẩy nhanh đô thị hóa. Đô thị hóa là người bạn đồng hành của công nghiệp hóa. Trong quản lý đô thị, ông đã đề cập những tư tưởng quản lý đô thị, chức năng của chính quyền đô thị và chiến lược phát triển đô thị. Tuy nhiên học giả này cũng chỉ đề cập quan

điểm về đô thị hóa chứ chưa đưa ra chỉ tiêu để phân tích, đánh giá đô thị hóa.

- Học giả Ngô Doãn Vịnh [9] trong cuốn *Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển* đã nhấn mạnh về đô thị hóa. Theo ông, đô thị hóa được hiểu là sự chuyển hóa dân cư nông thôn thành dân cư thành thị hoặc tăng dân số tự nhiên và dân số cơ học của đô thị gắn với quá trình phát triển kết cấu hạ tầng, các ngành phi nông nghiệp và văn minh công nghiệp (phải với tầm nhìn dài hạn, có thể tới cả trăm năm). Đô thị hóa là một quá trình mà diễn biến của nó phụ thuộc trước hết vào yêu cầu của phát triển kinh tế, sau đó mới tới ý chí chính trị và mong muốn của người dân. Kết quả của quá trình đô thị hóa là hình thành hệ thống (mạng lưới) đô thị. Sự phát triển của một đô thị và của hệ thống đô thị là biểu hiện rõ nhất của phát triển đối với một vùng, một tỉnh cũng như của một quốc gia. Đô thị là dấu hiệu cô đọng tất cả các giá trị tích lũy từ trước cũng như của sự tích lũy trong tương lai của dân cư đô thị. Đô thị hóa phải tuân thủ những nguyên tắc và lý thuyết phát triển đô thị (nhất là lý thuyết cực và lý thuyết vị trí trung tâm như sẽ đề cập ở phần dưới). Vì thế, khi mở rộng một đô thị, không thể tùy tiện chỉ bằng mong muốn chủ quan nói rộng thêm diện tích và “ôm thêm” nông dân để phình to quy mô đất đai và tăng nhanh quy mô dân số. Dẫu biết so sánh là rất khó nhưng Quốc đảo Singapore có số dân (cả vùng lai) khoảng 5 triệu người và diện tích rộng hơn đảo Phú Quốc của Việt Nam không đáng kể nhưng lại rất nổi tiếng và được xếp vào loại những thành phố hiện đại, văn minh hàng đầu của thế giới. Đô

thị hóa kiểu hành chính (hay bằng mệnh lệnh) hoặc dựa trên cơ sở quy hoạch với kiểu tư duy “tùn mủn”, chật hẹp, ngăn hạn đều phản đô thị hóa và sẽ bị thất bại. Cũng theo ông, quá trình đô thị hóa phát triển đô thị theo hai hướng chủ đạo: (i) Mở rộng hoặc nâng cấp đô thị hiện có; và (ii) Hình thành đô thị mới. Cả hai hướng này cần tuân theo yêu cầu phát triển của chòm đô thị hay của dải/chuỗi đô thị. Trong một hệ thống đô thị, mỗi đô thị có chức năng, vị trí tùy thuộc yêu cầu phát triển của vùng lãnh thổ. Một đô thị là trung tâm vùng, còn một đô thị khác là trung tâm tiểu vùng. Xung quanh mỗi đô thị trung tâm như thế có một số đô thị vệ tinh. Một đô thị được xác định là đô thị trung tâm phải có những lĩnh vực mang ý nghĩa chi phối, có khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho vùng hoặc tiểu vùng. Mỗi khu vực hành chính, kinh tế như tỉnh, huyện, xã lại có đô thị mang chức năng trung tâm hành chính - văn hóa - giáo dục - thương mại (trong thực tế người ta gọi chúng là “Đô thị thủ phủ”). Học giả này còn cho biết, trong thực tế, người ta phân tích chất lượng phát triển là quan trọng và mới có thể làm rõ thực chất của đô thị hóa.

2.2. Nghiên cứu về phân tích, đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam

Nguyễn Hữu Đoàn [1] trong luận án tiến sĩ *Phân tích đô thị hóa bằng phương pháp phân tích thống kê* cho rằng, để phân tích đô thị hóa đối với trường hợp ở Hà Nội gồm rất nhiều chỉ tiêu, như: tốc độ tăng nhân khẩu đô thị, tỉ lệ nhân khẩu thành thị trong dân số chung, tốc độ tăng trưởng kinh tế, mức độ giải quyết việc làm, năng suất lao

động, tình trạng đói nghèo, tỉ lệ thất nghiệp, cơ cấu kinh tế, tình hình sử dụng đất đô thị, nhà ở, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tình hình ô nhiễm môi trường... Với cách hiểu như vậy, vừa chưa rành mạch giữa đô thị hóa với kết quả và hiệu quả do đô thị hóa mang lại, chúng tôi cho rằng có nhiều chỉ tiêu không phản ánh trực tiếp đô thị hóa mà phản ánh kết quả do đô thị hóa đem lại. Các chỉ tiêu tình trạng đói nghèo, tình hình ô nhiễm môi trường hay chỉ tiêu về nhà ở, kết cấu hạ tầng kỹ thuật không phải là những chỉ tiêu phản ánh về đô thị hóa.

Ngô Doãn Vịnh [7] trong cuốn *Bàn về phát triển kinh tế: Nghiên cứu con đường dẫn tới giàu sang* đã đưa ra ba nhóm chỉ tiêu đánh giá chất lượng phát triển đô thị: Mức độ bền vững của tốc độ tăng trưởng kinh tế đô thị, chất lượng tăng trưởng kinh tế và mức sống của người dân đô thị. Chúng tôi nhận thấy, những chỉ tiêu này trực tiếp hoặc gián tiếp phản ánh đô thị hóa và hiệu quả đô thị hóa. Tuy nhiên, có chỉ tiêu lại là hệ quả của phát triển đô thị hóa. Chẳng hạn mức sống của người dân đô thị là hệ quả của phát triển đô thị. Học giả này, còn cho biết, trong thực tế, người ta phân tích đô thị hóa trên cơ sở xem xét các biểu hiện chính, đó là:

- *Tỉ lệ đô thị hóa*: Được đo bằng phần trăm giữa dân số đô thị trên tổng dân số của vùng hoặc một lãnh thổ tại một thời điểm nhất định.

- *Tốc độ đô thị hóa*: Phản ánh mức độ (nhận, chậm) tăng dân số đô thị của một vùng hoặc một lãnh thổ tại một thời kì nhất định. Tốc độ đô thị hóa được tính bằng nhịp tăng dân số đô thị (%) qua các

năm hoặc của một thời kì (có thể là vài năm, 5 năm hoặc 10 năm, 20 năm).

- *Số lượng và quy mô dân số của các đô thị mới và số việc làm tạo ra do phát triển các đô thị đó*: Mức độ đáp ứng nhu cầu dân cư và số nông dân chuyển thành thị dân cũng được các nhà phát triển quan tâm khi đánh giá về đô thị hóa. Trong thực tế, đây chính là việc “cấy” điểm đô thị mới vào những nơi đang trống vắng văn minh đô thị hay vào khoảng không gian lãnh thổ giữa Cục phát triển và Cục tăng trưởng (phải tính tới khi đã hoàn chỉnh).

- *Chất lượng đô thị hóa*: Mức đáp ứng cho người dân về nhà ở, kết cấu hạ tầng kĩ thuật, học hành, khám chữa bệnh, điện, nước, thông tin, mua sắm hàng hóa, vui chơi giải trí cùng các tác động tới khu vực nông thôn... và thân thiện với môi trường cũng như đô thị hóa có hiệu suất cao trong việc sử dụng đất và khai thác không gian trong quá trình đô thị hóa.

Cách nhìn nhận như trên có thể chấp nhận được. Vì khi phân tích đô thị hóa cần phân tích cả mặt số lượng và mặt chất lượng của đô thị hóa. Tuy nhiên, chất lượng đô thị hóa không thể hiện ở mức độ đáp ứng nhu cầu về kết cấu hạ tầng hay nhà ở...

Ngô Doãn Vịnh [8] còn cho rằng đôi khi người ta phải phân tích cả “*mật độ đô thị hóa*”; tức là số dân đô thị trên một km² lãnh thổ và trong một số trường hợp, người ta còn phân tích số điểm đô thị trên một km² lãnh thổ. Thực tế cho thấy, không nên phát triển nhiều siêu đô thị (những đô thị quá lớn) mà nên phát triển nhiều đô thị cỡ trung và kết hợp phát triển những đô thị cỡ nhỏ. Việc

phình to các đô thị bằng các quyết định hành chính thường dẫn đến nhiều bất cập và kém hiệu quả. Đồng thời, Ngô Doãn Vịnh cũng chỉ ra rằng trong quá trình đô thị hóa, rất hay gặp vấn đề *phát triển khu đô thị mới*. Phát triển khu đô thị mới là một bộ phận quan trọng của đô thị hóa; là một đòi hỏi cấp thiết đối với phát triển bền vững. Khi có đủ các điều kiện cần thiết thì mới xuất hiện đô thị mới/ khu đô thị mới (đảm bảo đủ quỹ đất, nước sinh hoạt, yêu cầu về giao thông, ý chí chính trị và quyết tâm chính trị...). Phát triển bền vững khu đô thị mới biểu hiện ở những dấu hiệu chủ yếu như: có sự phát triển hài hòa trong nội bộ khu đô thị mới, hài hòa giữa khu đô thị mới với đô thị khác và với xung quanh; không tắc nghẽn giao thông, không thiếu các công trình kết cấu hạ tầng kĩ thuật, không thiếu nhà ở, không thiếu các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, không thiếu công viên và giao thông tĩnh, đô thị phát triển theo hướng hiện đại, có các công trình kiến trúc ấn tượng và thân thiện với môi trường. Khi bàn về đô thị hóa ở nước ta, ông còn bàn tới đô thị hóa ở một số quốc gia như Hàn Quốc, ngoài thành phố Seoul, họ chia hệ thống đô thị của quốc gia thành ba loại: *a) Thành phố lớn* (gồm các thành phố lớn: Busan (khoảng 4 triệu người), Daegu (khoảng 3 triệu người), Incheon (khoảng 2,8 triệu người), Gwangju, Daejeon, và Ulsan; *b) Thành phố* (những đô thị có dân số ít nhất 150.000 đến dưới 1 triệu người; trong đó các thành phố có dân số hơn 500.000 người (như Suwon, Cheongju, và Jeonju) được chia ra làm các quận và các quận được chia ra làm các phường; còn các

thành phố có dân số nhỏ hơn 500.000 người không có các quận mà được chia ra thành các phường; và c) *Thị trấn* (có quy mô dân số dưới 150.000 người). Ở Nhật Bản, ngoài Thủ đô Tokyo, người ta phân hệ thống đô thị thành các loại: *Thành phố cấp quốc gia* (Nagoya, Osaka, Kobe, Kawasaki, Kyoto, Hiroshima...); *thành phố trung tâm vùng* (Akita, Fukuyama, Kagoshima, Nagasaki, Kochi...); *thành phố tỉnh và đô thị khu vực*. Trên thế giới, bên cạnh đô thị, người ta còn có vùng đô thị. Ví dụ, năm 2011, thành phố Bangkok của Thái Lan có dân số khoảng hơn 9 triệu người thì vùng đô thị Bangkok có dân số khoảng 12 triệu người. Hoặc thành phố Thượng Hải của Trung Quốc có dân số khoảng 14,9 triệu người thì vùng đô thị Thượng Hải có dân số khoảng hơn 19 triệu người. Ở Nhật Bản, cùng với thành phố Tokyo người ta có vùng đô thị Tokyo (gồm thành phố Tokyo có khoảng 13 triệu dân và bảy tỉnh lân cận Tokyo là Chiba, Gunma, Ibaraki, Kanagawa, Saitama, Tochigi và Yamanashi; tổng số dân vùng đô thị khoảng hơn 32 triệu người). Ở Hàn Quốc, cùng với thành phố Seoul người ta có vùng đô thị Seoul (trong khi thành phố Seoul có dân số khoảng 10 triệu người thì vùng đô thị Seoul có số dân vào khoảng 24 triệu người).

Phạm Ngọc Trụ [6] trong quá trình nghiên cứu “Đô thị trung tâm với phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng” đã sử dụng chỉ tiêu “tỉ lệ đóng góp của đô thị trung tâm” vào tăng trưởng kinh tế và hiện đại hóa cơ cấu kinh tế vùng để phân tích vai trò của đô thị trung tâm đối với phát triển vùng. Tuy

nhiên, ông cũng chưa đưa ra các chỉ tiêu phân tích đô thị hóa trong điều kiện ở Việt Nam.

Ngô Thúy Quỳnh trong cuốn *Tổ chức lãnh thổ kinh tế ở Việt Nam* [3] năm 2011 đã đưa ra hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của tổ chức lãnh thổ kinh tế (trong đó có tổ chức lãnh thổ đô thị), trong đó có chỉ tiêu đóng góp của tổ chức lãnh thổ kinh tế vào việc phát triển đô thị hóa. Về đô thị hóa, Ngô Thúy Quỳnh đưa ra hai chỉ tiêu để phân tích: Tốc độ tăng nhân khẩu thành thị và tỉ lệ dân số đô thị trong dân số chung; lúc đó, tác giả mới đề cập mật số lượng của đô thị hóa.

V. I. Syrkin [3], trong khi đề nghị “*Sử dụng chiến lược cực tăng trưởng để đẩy mạnh phát triển vùng*”, đã rất coi trọng tốc độ tăng trưởng của đô thị. Chỉ tiêu này phù hợp với yêu cầu phân tích mật số lượng của đô thị hóa. Tuy nhiên, mật chất lượng thì ông lại chưa đề cập.

Trong Hội thảo khoa học do Thành ủy – Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chủ trì về “*60 năm giải phóng Thủ đô: Thành tựu, thời cơ, thách thức và phát triển*” [8], một số học giả đã nêu ra hệ thống chỉ tiêu sử dụng để phân tích và đánh giá đô thị hóa. Ngô Doãn Vịnh và Ngô Thúy Quỳnh đã kiến nghị các chỉ tiêu:

- Các chỉ tiêu phản ánh về tốc độ đô thị hóa và thay đổi chất lượng dân số đô thị;
- Các chỉ tiêu phản ánh về tốc độ tăng trưởng kinh tế và tăng năng suất lao động;
- Các chỉ tiêu phản ánh về tốc độ gia tăng mức sống của cư dân đô thị (GDP hay thu nhập bình quân đầu người);

- Các chỉ tiêu phản ánh về tệ nạn xã hội, tội phạm và tai nạn giao thông tại các đô thị;

- Các chỉ tiêu phản ánh về mức đóng góp của đô thị cho sự phát triển của cả nền kinh tế quốc dân... [8, tr.750]

Nhìn chung, hai tác giả này nêu ra nhiều chỉ tiêu và các chỉ tiêu phản ánh đô thị hóa và đóng góp của đô thị cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Theo các tác giả, những đề xuất đã được tổng quan ở trên có nhiều điểm chưa hợp lí và cần nghiên cứu làm rõ hơn.

3. Đề xuất nội dung và chỉ tiêu phân tích, đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam

3.1. Quan niệm về đô thị hóa

Theo chúng tôi, đô thị hóa là sự thay đổi về mặt số lượng và chất lượng về dân số, kinh tế, xã hội của một đô thị hay của các đô thị ở một địa phương. Đô thị hóa đúng là khi đô thị hóa mang tới sự thay đổi cả về số lượng lẫn chất lượng dân số, kinh tế, xã hội, môi trường. Nhìn chung, thay đổi về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật hay về đất đai là hệ quả của đô thị hóa. Trong một số trường hợp, diện tích đất đai không thay đổi nhưng do người ta thay đổi về chiều cao không gian thì số người sống ở đô thị cũng đã tăng lên. Hoặc trong quá trình đô thị hóa, do cơ cấu kinh tế của đô thị thay đổi nên dẫn tới số người nghèo có thể giảm đi... Nói cách khác, trên cơ sở kế thừa những vấn đề lí thuyết đã được tổng quan và xem xét thực tiễn phát triển đô thị ở Việt Nam, thì chúng tôi cho rằng *Đô thị hóa là việc gia tăng quy mô dân số, cơ cấu và chất lượng dân số đô thị từ yêu cầu của sự phát triển khối ngành phi nông nghiệp*

và nhờ đó hiện đại hóa thành phố cũng như làm cho nền kinh tế đô thị và nền kinh tế cả nước (hay của các địa phương) phát triển có hiệu quả và bền vững hơn. Như vậy, quá trình đô thị hóa thể hiện trên hai phương diện: Cải tạo đô thị hiện có và phát triển đô thị mới để hình thành hệ thống hạt nhân kinh tế cho mỗi địa phương cũng như cho cả nước.

3.2. Nội dung đánh giá đô thị hóa trong điều kiện Việt Nam

Việc đánh giá đô thị hóa trong điều kiện Việt Nam, theo chúng tôi, cần phải làm rõ những vấn đề cơ bản dưới đây:

- Cần tập trung vào hai mặt: Đánh giá về số lượng và chất lượng của đô thị hóa. *Phân tích về mặt số lượng đô thị hóa* mà nó thể hiện qua phân tích tốc độ đô thị hóa và tỉ lệ đô thị hóa. *Phân tích về mặt chất lượng đô thị hóa* thông qua phân tích và đánh giá về hiệu quả phát triển kinh tế và mức sống cư dân đô thị.

- Cần làm rõ những thay đổi về dân số (quy mô và tốc độ tăng dân số đô thị) và về kinh tế của đô thị hóa (thay đổi cơ cấu kinh tế gắn với năng suất lao động).

- Trong quá trình phân tích đô thị hóa, cần phân tích cả những chỉ số mang ý nghĩa nguyên nhân đô thị hóa tốt hay xấu.

Xuất phát từ nhận thức như vậy, nội dung phân tích đô thị hóa ở Việt Nam bao gồm những việc chủ yếu sau đây:

3.3. Kiến nghị hệ thống chỉ tiêu sử dụng để phân tích, đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam

Thực tế ở Việt Nam, đây là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau và còn nhiều điểm chưa rõ.

Chúng tôi kiến nghị một tập hợp các chỉ tiêu được sử dụng để phân tích, đánh giá đô thị hóa ở nước ta. Mỗi chỉ tiêu phản ánh một khía cạnh đô thị hóa và cùng nhau phản ánh số lượng và chất lượng đô thị hóa.

3.3.1. Nhóm chỉ tiêu phân tích đô thị hóa

(1) Tốc độ đô thị hóa (T_{dth})

$$T_{dth} = \sqrt[n]{\frac{Ddt_i}{Ddt_0}} \quad (1)$$

Trong biểu thức này:

+ Ddt_i : Dân số đô thị năm i ;

+ Ddt_0 : Dân số đô thị năm gốc so sánh;

+ n : Số năm tính toán.

Tốc độ đô thị hóa phản ánh quá trình phát triển đô thị của một quốc gia hay của một địa phương (tính bằng %/năm). Nếu đô thị hóa quá nhanh (hay phát triển quá nóng) sẽ dẫn tới nhiều hệ lụy không tốt cho phát triển. Ví dụ như tắc nghẽn giao thông, thiếu điện, thiếu nước, thiếu công trình giao thông tỉnh, thiếu công trình xử lý chất thải...

Tốc độ đô thị hóa quan hệ mật thiết với sự phát triển của các ngành phi nông nghiệp và sự hiện đại hóa cơ cấu kinh tế của đô thị và nhu cầu phát triển của vùng kinh tế lớn mà đô thị nằm trong đó.

(2) Tỷ lệ đô thị hóa (T_{ldt})

$$T_{ldt} = \frac{D_{dt}}{D_c} \times 100 (\%) \quad (2)$$

Trong biểu thức (2):

+ D_{dt} : Dân số thành thị (Dân số đô thị của Việt Nam).

+ D_c : Dân số chung của đối tượng nghiên cứu (Ví dụ: Tổng dân số của Việt Nam).

Tỷ lệ đô thị hóa càng lớn càng chứng tỏ nền kinh tế phát triển càng cao; và ngược lại, khi nền kinh tế chưa phát triển thì tỷ lệ đô thị hóa thường thấp. Tỷ lệ đô thị hóa tăng quá nhanh (tới mức vượt ngưỡng cho phép) cũng gây ra những hệ lụy không tốt cho sự phát triển chung.

(3) Năng suất lao động (NS_{ld})

$$NS_{ld} = \frac{GDP}{LD} \quad (\text{Đơn vị tiền tệ}) \quad (3)$$

Trong biểu thức trên:

+ GDP: Tổng sản phẩm nội địa của đô thị (một hoặc cả hệ thống đô thị).

+ LD: tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân của đô thị.

Năng suất lao động càng cao chứng tỏ đô thị hóa càng hiệu quả cũng như chủ trương đô thị hóa càng đúng đắn, và ngược lại. Đây chính là chỉ tiêu phản ánh chất lượng đô thị hóa.

(4) Thu nhập bình quân GDP/người (của một đô thị hay của tất cả các đô thị) ($TNBQ$)

$$TNBQ = \frac{GDP}{D} \quad (\text{Đơn vị tiền tệ}) \quad (4)$$

Trong biểu thức trên:

+ GDP: Tổng sản phẩm nội địa của đô thị (một hoặc cả hệ thống đô thị).

+ D: tổng dân số đô thị.

GDP/người càng lớn thì chứng tỏ đô thị hóa càng tốt (khi GDP/người cao thì đô thị đời sống người dân được cải thiện, khả năng tích lũy sẽ lớn hơn và kéo theo là khả năng đầu tư phát triển càng nhiều); và ngược lại, khi quy mô dân số của đô thị tăng nhanh do quyết định hành chính nhưng kinh tế của đô thị lại chưa phát triển tương ứng thì GDP/người sẽ thấp.

3.3.2. Nhóm chỉ tiêu phân tích nguyên nhân ảnh hưởng tới phát triển đô thị hóa

Tác giả bài viết chỉ nêu ra một số chỉ tiêu cơ bản để phân tích nguyên nhân dẫn tới thực trạng đô thị hóa. Nói cách khác, hiệu quả của đô thị hóa phụ thuộc rất nhiều vào những yếu tố đó. Cụ thể là:

(1) Mức độ hài hòa giữa tốc độ đô thị hóa và phát triển lĩnh vực phi nông nghiệp (H_1)

$$H_1 = T_{đth} : T_{pnn} \quad (5)$$

Trong đó:

+ $T_{đth}$: Tốc độ đô thị hóa như giải thích ở công thức (1).

+ T_{pnn} : Tốc độ tăng của khối ngành phi nông nghiệp (công nghiệp và dịch vụ).

Theo lý thuyết, các ngành phi nông nghiệp (công nghiệp và dịch vụ) có ý nghĩa quyết định đô thị hóa. Vì thế, rất cần phân tích chỉ tiêu này để thấy rõ mức độ phù hợp giữa tốc độ đô thị hóa và tốc độ tăng trưởng các ngành phi nông nghiệp. Nếu đô thị hóa chỉ bằng các quyết định hành chính mà không dựa vào yêu cầu của sự phát triển phi nông nghiệp thì chắc chắn đô thị hóa sẽ không đem lại hiệu quả.

(2) Tỷ lệ tăng cơ học trong gia tăng dân số đô thị (H_2)

$$H_2 = (H_c : H) \cdot 100 (\%) \quad (6)$$

Trong biểu thức này:

+ H_c : Gia tăng dân số đô thị do gia tăng cơ học.

+ H : Dân số đô thị tăng cơ học năm gốc so sánh.

Thực tế chỉ ra rằng, nếu đô thị hóa quá nhanh, dòng người từ các nơi đổ về với quy mô lớn mà kết cấu hạ tầng kỹ thuật xây dựng không kịp thời sẽ dẫn tới thiếu nhà ở, thiếu đường sá (gây nên tắc nghẽn giao thông), thiếu nước... Đó là những điều không tốt cho phát triển của bản thân đô thị chứ chưa nói tới việc ảnh hưởng xấu đến sự phát triển chung của vùng hay của đất nước.

Một số học giả cho rằng gia tăng diện tích tự nhiên của một đô thị là chỉ tiêu phản ánh đô thị hóa, nhưng chúng tôi không cho là như vậy. Bởi vì, nếu mở rộng diện tích để “cộng thêm dân số” cho đô thị “phình ra” một cách thuần túy thì không thể xem là đô thị hóa. Hoặc khi diện tích chẳng được mở rộng thêm nhưng do phát triển nhà ở và các công trình dân sinh khác cao tầng, sức chứa dân cư sẽ tăng lên (như trường hợp của Hồng Kông hay Singapore) thì cũng phản ánh đô thị hóa mạnh mẽ.

4. Phân tích đô thị hóa ở Việt Nam

Vận dụng những chỉ tiêu đã được đề xuất, chúng tôi tiến hành phân tích kết quả và hiệu quả phát triển đô thị hóa ở nước ta.

Theo số liệu của Niên giám thống kê năm 2013 của Tổng Cục thống kê, chúng tôi xây dựng hệ thống số liệu phục vụ việc phân tích và đánh giá đô thị hóa của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2013.

4.1. Hình thành số liệu và phân tích

a) Phân tích về số lượng của đô thị hóa ở Việt Nam (xem bảng 1)

Bảng 1. Một số chỉ tiêu về phát triển đô thị của Việt Nam giai đoạn 2005-2013

| Năm | Dân số đô thị (1000 người) | Tốc độ tăng (%) | Số nhân khẩu do tăng tự nhiên (1000 người) | Do tăng cơ học* | |
|------|-------------------------------|--------------------|---|-----------------|-------------------------------------|
| | | | | 1000 người | Tốc độ tăng bình quân năm (%) |
| 2005 | 22332 | 3,38 | 20082 | 2250 | 7,68 |
| 2010 | 26515 | 3,64 | 20684 | 5831 | 6,9 |
| 2013 | 28875 | 2,14 | 21304 | 7571 | 3,6 |

*Ghi chú: Do tác giả tính toán

Nguồn: Tác giả xử lý từ [5]

Kết quả phân tích cho thấy, trong giai đoạn 2006 - 2013, dân số đô thị tăng khoảng 3,25%/năm, trong đó do tăng cơ học đóng góp khoảng 81%. Như vậy có thể nói gia tăng dân số đô thị trong thời gian qua chủ yếu do tăng cơ học. Mỗi người dân đô thị do tăng tự nhiên phải “cõng” trên lưng khoảng 4-5 người dân tăng cơ học. Tăng dân số cơ học vào khoảng 10-11%/năm. Đó là tình trạng quá mức trong khi ở Việt Nam chưa có nhu cầu bùng nổ phát triển đô thị.

b) Phân tích về chất lượng của đô thị hóa ở Việt Nam (xem bảng 2 và bảng 3)

Từ những số liệu có được và theo cách tính toán các chỉ tiêu như đã kiến nghị ở trên, chúng tôi tổng hợp thành bảng số liệu phản ánh số lượng và chất lượng đô thị hóa ở Việt Nam trong giai đoạn vừa qua.

Bảng 2. Lao động của khu vực đô thị Việt Nam

| Năm | GDP (Tỷ đồng, giá 2010) | | | Lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân (Nghìn người) | Năng suất lao động, (Triệu đồng, giá 2010) |
|------|-----------------------------------|--------------------|---|---|---|
| | Tổng GDP của khu vực đô thị | Phi nông nghiệp | Tốc độ tăng của khối phi nông nghiệp (%) | | |
| 2005 | 1.024.677 | 707.230 | - | 12059 | 84,9 |
| 2010 | 1.467.323 | 1.041.800 | 8,05 | 15113 | 97,1 |
| 2013 | 1.777.973 | 1.404.598 | 10,3 | 17615 | 101 |

Nguồn: Tác giả xử lý từ [5]

Bảng 2 cho thấy trong quá trình đô thị hóa, khi tỉ lệ lao động khối phi nông nghiệp càng tăng thì năng suất lao động cũng tăng theo. Cho nên, thay vì chỉ gia tăng quy mô dân số (hay số dân) thì phải tìm cách tăng lao động khối phi nông nghiệp của một đô thị; đó mới là vấn đề quan trọng cần đặc biệt chú ý.

Bảng 3. Một số chỉ tiêu hiệu quả đô thị hóa ở Việt Nam

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Chỉ số đạt được ở năm 2013 | Tăng giảm năm 2013 so với năm 2005 (%) |
|---|-------------|------------------------------|--|
| 1. GDP/người (giá 2010) | Triệu đồng | 45,8 | 134 |
| 2. Năng suất lao động | Triệu đồng | 101 | 118,9 |
| 3. Chỉ số tương quan giữa tốc độ tăng dân số đô thị và tăng phi nông nghiệp | Lần | 3,25:8,95 (Tức là 1: 2,75) * | Đây là chỉ số cao so với hệ số của Nhật Bản giai đoạn 1970-2005 (1:1,98) |

* Ghi chú: Số liệu trung bình của cả giai đoạn 2006-2013

Nguồn: Tác giả tính toán và xử lý từ [5]

Bảng 3 cho thấy trong thời gian qua ở Việt Nam, khi dân số đô thị tăng 1 lần (hay 1%) thì khối phi nông nghiệp tăng khoảng 2,7 lần (hay 2,7%). Trong mối tương quan đó, năng suất lao động và GDP/người đều có mức tăng khá (cũng có nghĩa là chất lượng phát triển đô thị hóa được thể hiện rõ hơn). Điều này cho thấy một vấn đề quan trọng là, nếu dân số đô thị tăng nhanh nhưng chủ yếu tăng do gia tăng số nhân khẩu từ khu vực nông nghiệp, nông dân thì kinh tế đô thị cũng không thể phát triển và đạt được chất lượng phát triển như mong muốn.

4.2. Một số kết luận rút ra từ kết quả phân tích

Trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu mà chúng tôi đã đề xuất (như tổng hợp ở biểu trên) cho phép rút ra những nhận định quan trọng sau đây:

- Do đô thị hóa ở Việt Nam nhanh hơn so với yêu cầu của phát triển phi nông nghiệp nói riêng và yêu cầu phát triển kinh tế nói chung nên dẫn tới nhiều hạn chế đối với đô thị hóa ở nước nhà. Nổi bật nhất là gây nên tình trạng thiếu hụt về kết cấu hạ tầng kỹ thuật và nhiều đô thị rơi vào tình trạng nhếch nhác.

- Trong giai đoạn 2006 - 2013, tốc độ đô thị hóa đạt mức khoảng 3,25%/năm nhưng năng suất lao động chỉ tăng trung bình khoảng 1,9%/năm và GDP/người cũng chỉ tăng khoảng 3,7%/năm. Dân số đô thị tăng nhanh nhưng kinh tế không tăng tương thích nên đời sống của bộ phận lớn người dân sống tại các đô thị gặp khó khăn (nhất là về nhà ở, việc làm và hạ tầng kỹ thuật).

Bộ chỉ tiêu mà chúng tôi đề xuất để đánh giá đô thị hóa có thể sử dụng phân tích đô thị hóa ở cấp toàn quốc cũng như ở cấp địa phương. Bộ chỉ tiêu này vừa phản ánh được những vấn đề cốt lõi của đô thị hóa, vừa dễ tính và có tính khả thi. Trên cơ sở vận dụng bộ chỉ tiêu để đánh giá đô thị hóa cho thấy đô thị hóa ở nước ta chưa đem lại hiệu quả như mong muốn, thậm chí còn có thể nói đô thị quá nhanh, kém hiệu quả và ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của cả nền kinh tế. Việt Nam cần điều chỉnh lại tốc độ đô thị hóa, nên căn cứ vào yêu cầu của sự phát triển kinh tế, tránh đô thị hóa ồ ạt, theo kiểu hành chính.

5. Kiến nghị

Từ kết quả phân tích trên, chúng tôi đề xuất những ý kiến sau đây:

- Nên đổi mới nhận thức đô thị hóa và trên cơ sở đó có quan niệm đúng đắn hơn (vừa mang ý nghĩa lí thuyết vừa mang ý nghĩa thực tiễn) về đô thị hóa ở Việt Nam, từ đó mới có căn cứ để đánh giá đúng đắn về đô thị hóa. Không nên coi thay đổi về diện tích đất đô thị và thay đổi về kết cấu hạ tầng kĩ thuật đô thị là thuộc tính của đô thị hóa.

- Phải đánh giá đô thị hóa cả ở mặt số lượng lẫn chất lượng bằng những chỉ tiêu định lượng cụ thể. Cần phân biệt rõ những chỉ tiêu phản ánh bản chất đô thị hóa với các chỉ tiêu phản ánh kết quả của đô thị hóa. Các chỉ tiêu mà chúng tôi kiến nghị có tính khả thi, có thể áp dụng để phân tích, đánh giá đô thị hóa ở cấp toàn quốc và cấp tỉnh.

- Nhà nước cần tổ chức đánh giá đô

thị hóa cho mỗi giai đoạn phát triển trên phạm vi cả nước và ở từng địa phương để rút ra bài học hữu ích cho công cuộc đô thị hóa ở nước ta theo hướng hiện đại.

- Việt Nam cần có chiến lược đô thị hóa đến khoảng năm 2050 thay vì chỉ có thời gian quy hoạch cho 10 năm và nhìn xa hơn 10 năm nữa. Đô thị tồn tại hàng trăm năm nên phải có chiến lược đô thị hóa và quy hoạch phát triển đô thị cho vài chục năm. Có như vậy mới không làm đi làm lại vừa mất thời gian vừa tốn kém và lãng phí tài nguyên đất.

- Nhà nước cần tổ chức nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá đô thị hóa, công bố và sử dụng bộ chỉ tiêu ấy để phân tích, đánh giá đô thị hóa ở nước ta. Sau đó, cần tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các địa phương về vấn đề đánh giá đô thị hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Đoàn (2009), *Phân tích đô thị hóa bằng phương pháp thống kê*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
2. V. I. Syrkin (2001), *Sử dụng chiến lược cực tăng trưởng để đẩy mạnh phát triển vùng*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Tự nhiên (91).
3. Ngô Thúy Quỳnh (2011), *Tổ chức lãnh thổ kinh tế ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Thoa (2014), *Tác động của FDI tới đô thị hóa ở thành phố Đà Nẵng*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện Chiến lược Phát triển.
5. Tổng Cục thống kê (2015), *Niên giám thống kê năm 2014*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
6. Phạm Ngọc Trụ (2015), *Đô thị trung tâm với phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng*, Luận án Tiến sĩ Địa lí, Viện Chiến lược phát triển.
7. Ngô Doãn Vịnh (2005), *Bàn về phát triển kinh tế; Nghiên cứu con đường dẫn tới giàu sang*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Ngô Doãn Vịnh, Ngô Thúy Quỳnh (2014), “Hà Nội và vấn đề liên kết kinh tế vùng”, *Kỉ yếu Hội thảo khoa học “60 năm giải phóng Thủ đô: Thành tựu và bài học do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức*.
9. Ngô Doãn Vịnh (2014), *Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-11-2015; ngày phản biện đánh giá: 30-01-2016;
ngày chấp nhận đăng: 24-02-2016)